

Bản án số: 128/2018/HS-ST
Ngày 31-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Dung

Bà Nguyễn Thị Chấn

- Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Ngân - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Vương Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 119/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T - sinh năm: 1981 tại Hà Nội; HKTT và chỗ ở: Thôn X, xã C, huyện G, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T1 (c) và bà Nguyễn Thị Minh K có vợ là Nguyễn Minh N và 02 con; TATS: Theo danh chỉ bản số 221 ngày 16/7/2018 do Công an huyện G lập và lý lịch địa phương cung cấp thì bị cáo có 01 tiền án: Tại bản án hình sự số 177/2008/HSST ngày 26/9/2008, Tòa án nhân dân quận Long Biên xử phạt Nguyễn Đức T 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội: Đánh bạc (đã được xóa án tích); bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Bị hại: Anh Hoàng Hữu Q- sinh năm 1977; Trú tại: Tổ dân phố C1, thị trấn S, G, Hà Nội (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Minh K- sinh năm 1957; Trú tại: Thôn X, xã C, G, Hà Nội (vắng mặt).

Anh Hồ Đình H- sinh năm 1980; trú tại: Thôn 5, xã C, huyện G, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng cuối tháng 12-2017, Nguyễn Đức T đi bộ từ nhà ở thôn 7, C, G, Hà Nội đến bờ sông Hồng thuộc địa phận xã C, G, Hà Nội để thả lưới bắt cá thì phát hiện tại bãi đất trống để cọc bê tông có 01 hòm sắt màu đỏ, bên trong có 01 máy hàn điện nhãn hiệu EDON bên ngoài có màu đỏ; 01 máy khoan phá bê tông màu ghi xám; 02 ống dẫn dầu màu đen; 05 chiếc vít me bằng kim loại; 01 bộ cờ lê bằng kim loại gồm 18 chiếc nhãn hiệu USA; 01 đoạn sắt nối trụ tròn dài 1 mét; 02 đuôi gà bằng kim loại dùng trong ép cọc bê tông; 02 đòn gánh bằng kim loại hình hộp chữ nhật có rãnh ở 02 bên; 02 đoạn sắt tròn không có người trông giữ nên T nảy sinh trộm cắp tài sản trên. T đến nhà của anh Hồ Đình H - Sinh 1980, trú tại: Thôn 5, C, G, Hà Nội mượn anh H 01 chiếc xe lôi tự chế đi đến bờ sông Hồng do chiếc hòm bằng sắt màu đỏ trộm cắp công kênh sợ bị phát hiện nên T bỏ lại còn lấy toàn bộ số tài sản trên T xếp vào xe lôi tự chế mang về nhà T cất giấu. Sau đó, T chở 02 đòn gánh bằng kim loại và 01 đuôi gà bằng kim loại đến để tại sân nhà H. T giữ lại 01 máy hàn điện nhãn hiệu EDON; 01 máy khoan phá bê tông; 02 ống dẫn dầu màu đen; 02 đòn gánh bằng kim loại và 01 đuôi gà bằng kim loại để sử dụng. Số tài sản còn lại, T đã bán cho một phụ nữ mua sắt vụn không rõ nhân thân được 800.000 đồng. Số tiền trên T đã tiêu sài hết. Khoảng đầu tháng 01-2018, T mượn xe lôi tự chế của Hồ Đình H đi đến bờ sông Hồng lấy trộm 01 thùng đựng đồ bằng kim loại màu đỏ mang về để tại sân nhà bỏ trống sát nhà H. Do sợ bị phát hiện nên T gọi điện cho Nguyễn Minh T1 - Sinh 1987, trú tại: thôn 6, C, G, Hà Nội nhờ T1 đến nhà T lấy 01 máy hàn điện nhãn hiệu EDON; 01 máy khoan phá bê tông và 01 hòm sắt màu đỏ trả lại cho anh Hoàng Hữu Q. Bà Nguyễn Thị Minh K - Sinh 1957, trú tại: Thôn 7, C, G, Hà Nội là mẹ của T đã trả 02 ống dẫn dầu màu đen cho anh Hoàng Hữu Q.

Ngoài ra, Công an huyện G còn thu giữ của Hồ Đình H: 02 đòn gánh (hình hộp chữ nhật) bằng kim loại dày 1,5mm, dài 1,8m, rộng 0,17m, cao 0,1m; 01 đuôi gà một đầu hình trụ tròn đường kính phi 6cm, một đầu hàn sắt dẹt có đục lỗ tròn dài 50cm và 01 thùng đồ rộng 60cm, cao 60cm, dài 1,6m. Thu giữ Nguyễn Minh T1: 01 máy hàn điện nhãn hiệu EDON, vỏ sơn đỏ - đen, kích thước 30x15x20cm máy đã qua sử dụng; 01 máy đục bê tông nhãn hiệu FEO màu ghi xám ở phần lớn máy) máy đã qua sử dụng, 01 hộp bằng kim loại dài 45cm, rộng 20cm có quai xách; 01 cục sắt dài khoảng 40cm, rộng 15cm.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐĐG ngày 05-3-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: 01 hòm bằng kim loại hình chữ nhật kích thước 1,6x0,6x0,6m nặng 120 kg có giá 800.000 đồng; 02 đòn gánh bằng kim loại hình hộp chữ nhật có rãnh ở 2 bên, mỗi thanh KT 1,8 x 0,17x0,1m nặng khoảng 120 kg giá trị: 1.000.000 đồng; 05 chiếc vít me bằng kim loại, mỗi chiếc một đầu hình trụ tròn đường kính phi 6 cm, một đầu hàn sắt dẹt chiều dài 60cm có giá trị 3.000.000 đồng; 02 đầu gà bằng kim loại dùng trong ép cọc bê tông, mỗi chiếc có đặc điểm đầu hình trụ tròn đường kính phi 6cm, một đầu hàn sắt dẹt đục lỗ tròn dài 50cm có giá trị 1.200.000 đồng; 01 đoạn sắt nối trụ tròn dài 1 m, đường kính phi 15 có giá trị 40.000 đồng; 01 Máy hàn nhãn hiệu EDON bên ngoài có màu đỏ có giá trị 1.300.000 đồng; 01 máy khoan phá bê tông màu ghi xám, bị bong tróc sơn bên ngoài không có nhãn hiệu có giá trị 1.500.000 đồng, 02 ống dẫn dầu màu đen, hình tròn, mỗi ống dài 8m, đường kính phi 3 có giá trị 1.800.000 đồng; 01 bộ cờ lê bằng kim loại gồm 18 chiếc nhãn hiệu USA có giá trị 150.000 đồng; 2 đoạn sắt tròn mỗi thanh dài 55 cm, đường kính phi 50 có giá 100.000 đồng. Tổng trị giá: 10.890.000 đồng.

Về phần dân sự, bà Nguyễn Thị Minh K đã bồi thường thiệt hại cho anh Hoàng Hữu Q số tiền 13.000.000 đồng. Ngày 05-9-2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G đã trao trả cho anh Hoàng Hữu Q 02 đòn gánh (hình hộp chữ nhật) bằng kim loại dày 1,5mm, dài 1,8m, rộng 0,17m, cao 0,1m; 01 đầu gà một đầu hình trụ tròn đường kính phi 6cm, một đầu hàn sắt dẹt có đục lỗ tròn dài 50cm và 01 thùng đồ rộng 60cm, cao 60cm, dài 1,6m; 01 máy hàn điện nhãn hiệu EDON vỏ sơn đỏ - đen; 01 máy đục bê tông nhãn hiệu FEO, 01 hộp bằng kim loại dài 45cm, rộng 20cm có quai xách; 01 hòm sắt bên ngoài sơn màu đỏ. Anh Q đã nhận số tiền và tài sản trên, không yêu cầu thêm về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Đức T.

Bản cáo trạng số: 118/KSĐT ngày 06-10-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Đức T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015

Về mức án: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 24 đến 30 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C- huyện G- Thành phố Hà Nội quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Không.

Về xử lý vật chứng: Không.

Nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật và xin được hưởng lượng khoan hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp

- Về tội danh:

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu; lời khai bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng cuối tháng 12-2017 và đầu tháng 01-2018, tại khu vực bờ sông Hồng thuộc địa phận xã C, G, Hà Nội, bị cáo Nguyễn Đức T đã lén lút, bí mật trộm cắp 01 hòm bằng kim loại hình chữ nhật kích thước 1,6x0,6x0,6m, nặng 120 kg có giá trị 800.000 đồng; 02 đòn gánh bằng kim loại hình hộp chữ nhật có rãnh ở 2 bên, mỗi thanh KT 1,8x 0,17x0,1m nặng khoảng 120 kg giá trị 1.000.000 đồng; 05 chiếc vít me bằng kim loại, mỗi chiếc một đầu hình trụ tròn đường kính phi 6 cm, một đầu hàn sắt dẹt chiều dài 60cm có giá trị 3.000.000 đồng; 02 đùi gà bằng kim loại dùng trong ép cọc bê tông, mỗi chiếc có đặc điểm đầu hình trụ tròn đường kính phi 6cm, một đầu hàn sắt dẹt đục lỗ tròn dài 50cm có giá trị 1.200.000 đồng; 01 đoạn sắt nối trụ tròn dài 1 m, đường kính phi 15 có giá trị 40.000 đồng; 01 máy hàn nhãn hiệu EDON

bên ngoài có màu đỏ có giá trị 1.300.000 đồng; 01 máy khoan phá bê tông màu ghi xám, bị bong tróc sơn bên ngoài không có nhãn hiệu có giá trị 1.500.000 đồng; 02 ống dẫn dầu màu đen, hình tròn, mỗi ống dài 8m, đường kính phi 3 có giá trị 1.800.000 đồng; 01 bộ cờ lê bằng kim loại gồm 18 chiếc nhãn hiệu USA có giá trị 150.000 đồng; 02 đoạn sắt tròn mỗi thanh dài 55 cm, đường kính phi 50 có giá trị 100.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 10.890.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T có đủ dấu hiệu cấu thành tội: **“Trộm cắp tài sản”**. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4] Viện Kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ tư lợi, bị cáo đã cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội nên cần phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Về tình tiết tăng nặng: Nhân thân bị cáo có 01 tiền án: Tại bản án hình sự số 177/2008/HSST ngày 26-9-2008, Tòa án nhân dân quận Long Biên xử phạt Nguyễn Đức T 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội: Đánh bạc. Tiền án này của bị cáo đã đương nhiên được xóa theo luật định. Vì vậy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động đề nghị mẹ bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; tại địa phương, bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức T đáng ra phải xử phạt một mức án tù nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới thỏa đáng. Song khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, có nơi cư trú rõ ràng nên để bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Vì vậy, HĐXX thấy chỉ cần xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của BLHS là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và được bồi thường toàn bộ thiệt hại, không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với số tiền 13.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Minh K là mẹ của bị cáo Nguyễn Đức T bồi thường thay cho bị cáo, bà K không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 cục sắt dài khoảng 40cm, rộng 15cm đã thu giữ, quá trình điều tra xác định tài sản trên là của bà Nguyễn Thị Minh K. Ngày 05-9-2018, Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện G đã trao trả tài sản trên cho bà K là có căn cứ nên HĐXX không đặt vấn đề xử lý.

[11] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS, về trách nhiệm dân sự và về xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[12] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi của Hồ Đình H đã cho Nguyễn Đức T mượn xe lôi nhưng không biết T sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện G không xử lý về hình sự đối với Hồ Đình H là có căn cứ.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định. Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T **12 (mười hai)** tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho UBND xã C, huyện G, Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời hạn thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác
- VKS nhân dân huyện G
- Công an huyện G
- Chi cục THADS huyện G
- TAND thành phố Hà Nội.
- Sở tư pháp thành phố Hà Nội.
- Lưu

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA